ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM

Biểu số 06.C

CÔNG KHAI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên Doanh nghiệp	Doanh thu (Mã 10+21+31 BCKQHĐKD)		Lợi nhuận trước thuế (Mã 50 BCKQHĐKD)		Lỗ		Phải nộp NSNN (Mã 313 CĐKT)		Đã nộp NSNN		Đầu tư ngoài ngành		
		Năm trước	Năm báo cáo	Năm trước	Năm báo cáo	Lỗ phát sinh	Lỗ Lũy kế	Năm trước	Năm báo cáo	Năm trước	Năm báo cáo	Lĩnh vực	Tổng giá trị khoản đầu tư	
													Năm trước	Năm báo cáo
1	Công ty CP Tổng công ty Truyền hình cáp Việt Nam	2.254.284	2.171.718	73.270	75.722			14.898	5.075	79.756	104.875			
2	Công ty TNHH Truyền hình cáp SAIGONTOURIST	2.870.539	2.770.935	154.507	155.727			25.210	39.913	155.199	183.269			
3	Công ty TNHH Truyền hình số Vệ tinh Việt Nam	1.206.773	1.175.219	(339.839)	(246.483)	(246.483)	(3.306.317)	3.075	2.861	98.793	89.099			
4	Công ty CP Dịch vụ Truyền hình Viễn thông Việt Nam	18.772	14.655	(4.141)	(1.531)	(1.531)	(5.670)	4	0	694	67			
5	Công ty CP Đầu tư Tháp Truyền hình Việt Nam	8.266	8.288	6.436	6.671			1.404	1.437	1.673	1.406			
Tổng		**6.358.634**	**6.140.815**	**(109.767)**	**(9.894)**	**(248.014)**	**(3.311.987)**	**44.591**	**49.286**	**336.115**	**378.716**			

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2020

Cơ quan đại diện chủ sở hữu

ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG BAN KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG BAN

Vũ Hải Thanh

ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM

Biểu số 06.B

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên Doanh nghiệp	Tổng tài sản								Tổng nguồn vốn							
		Tổng số (Mã 270 CĐKT)	*Trong đó:*							Tổng số (Mã 300 CĐKT)	Nợ phải trả			Vốn chủ sở hữu (Mã 410 CĐKT)		Tỷ lệ sở hữu của nhà nước	
			Tài sản ngắn hạn (Mã 100 CĐKT)	Hàng tồn kho (Mã 140 CĐKT)	Đầu tư tài chính ngắn hạn (Mã 120 CĐKT)	Đầu tư tài chính dài hạn (Mã 250 CĐKT)	Tài sản dài hạn (Mã 200 CĐKT)	Nợ phải thu (Mã 130 + Mã 210 CĐKT)	Nợ phải thu khó đòi		Nợ phải trả ngắn hạn (Mã 310 CĐKT)	Nợ phải trả dài hạn (Mã 330 CĐKT)	Nợ vay (vay ngắn hạn và dài hạn) (Mã 320 CĐKT + Mã 338 CĐKT)	Năm trước	Năm báo cáo	Năm trước	Năm báo cáo
1	Công ty CP Tổng công ty Truyền hình cáp Việt Nam	1.954.752	739.533	173.190	0	220.883	1.215.218	486.964	61.725	1.396.256	1.121.840	274.415	516.379	487.536	558.496	98,55%	98,55%
2	Công ty TNHH Truyền hình cáp SAIGONTOURIST	3.224.176	1.051.684	184.001	0	284.558	2.172.491	645.581	59.671	2.525.575	1.022.031	1.503.544	1.086.932	689.121	698.601	100%	100%
3	Công ty TNHH Truyền hình số Vệ tinh Việt Nam	770.314	577.911	443.249	0	0	192.402	142.659	5.285	3.732.138	3.537.297	194.840	1.116.445	(2.715.340)	(2.961.824)	51%	51%
4	Công ty CP Dịch vụ Truyền hình Viễn thông Việt Nam	48.682	22.746	6.947	0	23.390	25.935	14.099		23.010	23.010	0	0	26.764	25.232	20,91%	20,91%
5	Công ty CP Đầu tư Tháp Truyền hình Việt Nam	172.099	164.676	0	140.000	0	7.423	4.893		4.822	4.822	0	0	162.043	167.276	67%	67%

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2020

Cơ quan đại diện chủ sở hữu

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG BAN KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG BAN

Vũ Hữu Thanh